ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 353 /KH-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 9 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình quốc gia về bảo vệ trẻ em và phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Quyết định số 1415/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình quốc gia về bảo vệ trẻ em và phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2026- 2030; Quyết định số 2683/QĐ-BYT ngày 22 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1415/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ; xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 3030/TTr-SYT ngày 10 tháng 9 năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

a) Bảo đảm thực hiện quyền trẻ em, xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh, đảm bảo trẻ em được phát triển toàn diện; chủ động phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em bị bạo lực, xâm hại, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em lao động trái quy định của pháp luật *(sau đây được gọi là lao động trẻ em)*.

b) Nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ bảo vệ trẻ em, giáo dục, y tế, tư pháp, trợ giúp pháp lý và an sinh xã hội; hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác được hòa nhập, phát triển toàn diện góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững liên quan đến trẻ em.

2. Chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

a) 100% gia đình có trẻ em được cung cấp kiến thức, kỹ năng về bảo vệ trẻ em bằng các hình thức khác nhau; 100% học sinh được hướng dẫn kiến thức, kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ trước xâm hại, bạo lực học đường, bạo lực mạng và kỹ năng phòng ngừa lao động trẻ em, phù hợp lứa tuổi.

b) 100% công chức, viên chức, người làm công tác bảo vệ trẻ em trong cơ quan quản lý y tế, giáo dục; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở giáo dục và cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bảo vệ trẻ em được nâng cao năng lực về bảo vệ trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em, lao động trẻ em.

c) 90% doanh nghiệp đang hoạt động, hợp tác xã, hộ gia đình và cơ sở kinh doanh dịch vụ được cung cấp thông tin, kiến thức, kỹ năng về phòng ngừa, phát hiện, giảm thiểu lao động trẻ em.

d) Triển khai xây dựng mô hình cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em tích hợp cung cấp kết nối, chuyển tuyến dịch vụ bảo vệ trẻ em đa ngành (y tế, giáo dục, công an, trợ giúp pháp lý, tâm lý, công tác xã hội, an sinh xã hội…); phấn đấu 95% cấp xã triển khai mô hình cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em liên ngành và 100% cấp xã thành lập phòng điều tra thân thiện theo lộ trình, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

đ) Giảm tỷ lệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục ít nhất 5% mỗi năm; giảm tỷ lệ lao động trẻ em (người từ 05 đến 17 tuổi) xuống dưới 1,1%.

e) 100% trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi khi phát hiện được hỗ trợ, can thiệp kịp thời, phù hợp; 100% yêu cầu trợ giúp pháp lý cho trẻ em được đáp ứng theo quy định của pháp luật.

g) 100% trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác được quản lý trên hệ thống cơ sở dữ liệu trẻ em và kết nối dùng chung với các hệ thống cơ sở dữ liệu liên quan.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện cơ chế phối hợp, nâng cao năng lực quản lý nhà nước

a) Rà soát, hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành trong phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em và phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em; xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và địa phương.

b) Rà soát, cập nhật quy trình tiếp nhận thông tin, đánh giá nguy cơ, hỗ trợ, can thiệp, chuyển tuyến và theo dõi trường hợp trẻ em; bảo đảm phối hợp liên tục từ cấp tỉnh đến cấp xã.

c) Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ công chức, viên chức, người làm công tác bảo vệ trẻ em, cộng tác viên, cán bộ cơ sở và các lực lượng có liên quan.

2. Đổi mới công tác truyền thông, giáo dục pháp luật

a) Đa dạng hóa hình thức truyền thông, kết hợp trực tiếp với truyền thông số, mạng xã hội, hệ thống truyền thanh cơ sở; ưu tiên vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, địa bàn có nguy cơ cao.

b) Xây dựng và sử dụng tài liệu, sản phẩm truyền thông về quyền trẻ em, phòng chống bạo lực, xâm hại, bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng và phòng ngừa lao động trẻ em.

c) Truyền thông cho gia đình, trẻ em, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, cơ sở sản xuất và cộng đồng về trách nhiệm bảo vệ trẻ em và quy định về sử dụng lao động chưa thành niên.

3. Phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em

a) Lồng ghép, kết nối dịch vụ y tế, giáo dục, tư pháp, trợ giúp pháp lý và an sinh xã hội; bảo đảm trẻ em có nguy cơ và trẻ em bị xâm hại được tiếp cận dịch vụ phù hợp.

b) Triển khai, nhân rộng mô hình cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em tích hợp, liên ngành tại cấp xã theo điều kiện thực tế và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

c) Triển khai mô hình phòng điều tra thân thiện tại cơ sở theo lộ trình, bảo đảm môi trường thân thiện, phù hợp với trẻ em và đúng quy định pháp luật.

4. Phòng ngừa, phát hiện và can thiệp lao động trẻ em

a) Tăng cường rà soát, phát hiện sớm trẻ em lao động trái quy định và trẻ em có nguy cơ, tập trung vào nông nghiệp, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, làng nghề và khu vực kinh tế phi chính thức.

b) Thực hiện quy trình hỗ trợ, can thiệp; kết nối trẻ em với giáo dục phổ thông, đào tạo nghề phù hợp, dịch vụ y tế, trợ giúp pháp lý, an sinh xã hội và các dịch vụ cần thiết.

c) Hỗ trợ gia đình có trẻ em lao động trái quy định hoặc có nguy cơ thông qua giảm nghèo, sinh kế, đào tạo nghề và các chính sách an sinh xã hội phù hợp.

d) Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã xây dựng cơ chế tự kiểm tra, tự giám sát nguy cơ lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế, huy động nguồn lực và ứng dụng công nghệ thông tin

a) Cập nhật, chuẩn hóa, kết nối và khai thác dữ liệu trẻ em theo thẩm quyền; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân của trẻ em.

b) Ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận, quản lý, theo dõi và chia sẻ thông tin về trẻ em có nguy cơ, trẻ em bị bạo lực, xâm hại và trẻ em lao động trái quy định.

c) Phối hợp kết nối dữ liệu với các hệ thống có liên quan, bảo đảm đúng quy định về quản lý, khai thác và bảo mật thông tin.

6. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá

a) Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ trẻ em và sử dụng lao động chưa thành niên; xử lý hoặc kiến nghị xử lý nghiêm hành vi vi phạm theo quy định.

b) Định kỳ đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ; kịp thời tháo gỡ khó khăn, điều chỉnh giải pháp và nhân rộng mô hình hiệu quả.

c) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất; tổ chức sơ kết, tổng kết giai đoạn theo yêu cầu của Chương trình.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của cấp tỉnh, cấp xã theo phân cấp ngân sách và quy định pháp luật hiện hành.

2. Lồng ghép từ các chương trình, đề án, dự án có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Nguồn xã hội hóa, tài trợ, viện trợ và các nguồn hợp pháp khác theo quy định.

4. Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao, xây dựng dự toán và quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế: Chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn nghiệp vụ bảo vệ trẻ em; chủ trì phối hợp xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành, quy trình hỗ trợ, can thiệp; tổng hợp tình hình, chỉ tiêu và báo cáo UBND tỉnh, Bộ Y tế theo quy định; tham mưu sơ kết, tổng kết.

2. Công an tỉnh: Chủ trì triển khai mô hình phòng điều tra thân thiện; tập huấn nghiệp vụ cho lực lượng công an xã, phường, đặc khu về phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em và phòng ngừa lao động trẻ em. Chỉ đạo lực lượng công an cấp cơ sở phát hiện, đấu tranh và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật đối với trẻ em.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì tổ chức tuyên truyền, tập huấn về phòng, chống bạo lực học đường, xâm hại trẻ em; hướng dẫn các cơ sở giáo dục phối hợp cơ quan có liên quan thực hiện quy trình phát hiện, can thiệp sớm đối với học sinh có nguy cơ trở thành lao động trẻ em.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì tổ chức các hoạt động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em trong lĩnh vực nông nghiệp; đào tạo nghề nông nghiệp phù hợp cho các hộ gia đình ở khu vực nông thôn.

5. Sở Tài chính: Tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo khả năng cân đối ngân sách và quy định của pháp luật; phối hợp hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo quy định.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức truyền thông về bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng; phòng, chống bạo lực gia đình; phối hợp nâng cao kiến thức, kỹ năng truyền thông về bảo vệ trẻ em cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên các cơ quan báo chí; lồng ghép nội dung bảo vệ trẻ em trong các hoạt động thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

7. Đề nghị Liên đoàn Lao động tỉnh, Liên minh hợp tác xã tỉnh: Tổ chức phối hợp phòng ngừa lao động trẻ em trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, làng nghề, chuỗi cung ứng thuộc phạm vi quản lý; tuyên truyền cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, hộ kinh doanh.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh: Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện quyền trẻ em; tham gia giám sát, phản biện xã hội và phát hiện, kiến nghị xử lý các nguy cơ, vụ việc xâm hại trẻ em tại cộng đồng.

9. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu: Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện tại địa phương; bố trí nhân lực, kinh phí và điều kiện thực hiện; tổ chức tiếp nhận, xử lý thông tin, hỗ trợ và can thiệp trẻ em theo thẩm quyền; triển khai mô hình dịch vụ bảo vệ trẻ em liên ngành và các nhiệm vụ khác; định kỳ báo cáo UBND tỉnh *(qua Sở Y tế)*.

(Cụ thể nhiệm vụ chi tiết phụ lục kèm theo)

V. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

1. Định kỳ **06 tháng** *(trước ngày 10/6)*, **01 năm** *(trước ngày 20/11)*, báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh *(qua Sở Y tế)* để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu, hiệu quả mô hình, khó khăn, vướng mắc, kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Y tế để tổng hợp hướng dẫn thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:
- Bộ Y tế;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban TT Uỷ ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Nội vụ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tư pháp, Ngoại vụ, Công Thương, Khoa học và Công nghệ;
- Thanh tra tỉnh;
- Thống kê tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- VP UB: CVP, PCVP, NC;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX$_{LMC682}$.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Nguyễn Ngọc Sâm